Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1468/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2026 - 2030

HỎA TỐC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ban Bí thư về thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố giai đoạn 2026 - 2030 tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất: nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách, người thuộc hộ cận nghèo, người khuyết tật, người yếu thế và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo hiểm y tế, bảo đảm duy trì bền vững và tăng tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các địa phương hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quyết định này.

2. Bộ Tài chính

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức triển khai thực hiện; triển khai các giải pháp hiệu quả để phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, hướng đến đạt mục tiêu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2030;

b) Xây dựng tài liệu hướng dẫn các địa phương tính tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế và hướng dẫn các địa phương thực hiện;

c) Phối hợp với Bộ Y tế đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các giải pháp, cơ chế, chính sách liên quan đến việc phát triển đối tượng tham gia, đóng bảo hiểm y tế và tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm ổn định để có kế hoạch cân đối ngân sách trung và dài hạn;

d) Bố trí đầy đủ, kịp thời ngân sách để đóng, hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định;

đ) Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

Đổi mới hình thức, nội dung, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện bảo hiểm y tế trong giai đoạn mới để cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, các cơ quan, tổ chức và người dân nắm rõ hơn về ý nghĩa, tính nhân văn, tầm quan trọng của bảo hiểm y tế và trách nhiệm chung tay của mỗi người dân trong việc tham gia bảo hiểm y tế, đẩy mạnh tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình;

Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người dân tham gia đóng bảo hiểm y tế, thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm vận hành ổn định Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế;

Định kỳ 06 tháng sơ kết, đánh giá và kịp thời thông tin, báo cáo các cấp, các ngành về kết quả triển khai thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; định kỳ ngày 31 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quyết định này về Bộ Y tế, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo theo quy định.

e) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo hiểm y tế về đóng bảo hiểm y tế tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng lao động; xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

g) Định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai thực hiện Quyết định này và gửi Bộ Y tế để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên, bảo đảm đến năm 2030 có 100% học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế;

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục và các đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội tăng cường thông tin, truyền thông, vận động học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế, đặc biệt là sinh viên.

4. Bộ Nội vụ

Chỉ đạo, hướng dẫn việc xác định, lập danh sách kịp thời, đầy đủ các nhóm đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

5. Bộ Dân tộc và Tôn giáo

a) Chỉ đạo, hướng dẫn việc xác định, lập danh sách kịp thời, đầy đủ các nhóm đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

b) Phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Tài chính, các bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo tham gia bảo hiểm y tế; lồng ghép mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật.

6. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng cơ chế, chính sách ổn định trong giai đoạn 2026 - 2030 đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Chính phủ;

b) Chỉ đạo việc xác định, lập danh sách kịp thời, đầy đủ các nhóm đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

7. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

Tổ chức thực hiện bảo hiểm y tế đối với các nhóm đối tượng thuộc diện quản lý, bảo đảm duy trì tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 100% đối với các nhóm đối tượng này.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Căn cứ chỉ tiêu tại Quyết định này, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp đưa chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và dài hạn của địa phương; giao chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế đến cấp xã; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về tổ chức thực hiện;

b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch, giải pháp triển khai thực hiện để đạt chỉ tiêu được giao; thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin về người lao động, tiền lương tại các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn để rà soát, đối chiếu và xử lý tình trạng trốn đóng, chậm đóng bảo hiểm y tế;

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế; vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế;

d) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực phù hợp để hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế tại địa phương ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định, cụ thể như sau:

Tập trung hỗ trợ thêm cho các đối tượng đang được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định: người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật; nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã được xác định không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; người được tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú theo quy định của Luật Di sản văn hóa; nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người; người khuyết tật, người cao tuổi theo quy định của pháp luật chưa được hưởng chính sách bảo hiểm y tế để tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của các nhóm đối tượng này.

Khuyến khích hỗ trợ một số đối tượng khác trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý để đạt mục tiêu 100% các đối tượng này tham gia bảo hiểm y tế;

đ) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn;

e) Định kỳ hằng năm tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế tại địa phương, báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này về Bộ Y tế, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: PL, KTTH, TCCV, TH, QHĐP, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2)14

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục

CHỈ TIÊU BAO PHỦ BẢO HIỂM Y TẾ CHO CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tỉnh, thành phố	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế				
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
TOÀN QUỐC		***95,98%***	***96,86%***	***97,76%***	***98,67%***	***100%***
1	Thành phố Hà Nội	96.25%	96.80%	97.30%	97.90%	***100%***
2	Thành phố Hồ Chí Minh	96.00%	97.00%	98.00%	99.00%	***100%***
3	Thành phố Hải Phòng	95.50%	96.50%	97.50%	98.50%	***100%***
4	Thành phố Đà Nẵng	95.07%	96.30%	97.54%	98.77%	***100%***
5	Thành phố Cần Thơ	96.50%	97.00%	97.50%	98.50%	***100%***
6	Thành phố Huế	99.30%	99.40%	99.60%	99.80%	***100%***
7	An Giang	95.00%	96.00%	97.00%	98.00%	***100%***
8	Bắc Ninh	96.20%	97.20%	98.20%	99.00%	***100%***
9	Cà Mau	96.45%	97.34%	98.22%	99.11%	***100%***
10	Cao Bằng	99.36%	99.52%	99.68%	99.84%	***100%***
11	Đắk Lắk	95.20%	96.20%	97.20%	98.20%	***100%***
12	Điện Biên	98.47%	98.85%	99.24%	99.62%	***100%***
13	Đồng Nai	96.00%	97.00%	98.00%	99.00%	***100%***
14	Đồng Tháp	96.00%	97.00%	98.00%	99.00%	***100%***
15	Gia Lai	96.10%	97.00%	98.00%	99.00%	***100%***
16	Hà Tĩnh	95.50%	96.50%	97.50%	98.50%	***100%***
17	Hưng Yên	96.00%	97.00%	98.00%	99.00%	***100%***
18	Khánh Hòa	97.00%	97.30%	98.20%	99.10%	***100%***
19	Lai Châu	95.20%	96.20%	97.20%	98.20%	***100%***
20	Lâm Đồng	95.00%	96.00%	97.00%	98.00%	***100%***
21	Lạng Sơn	95.20%	96.20%	97.20%	98.20%	***100%***
22	Lào Cai	97.00%	97.50%	98.00%	98.50%	***100%***
23	Nghệ An	95.50%	96.50%	97.50%	98.50%	***100%***
24	Ninh Bình	95.30%	96.30%	97.30%	98.30%	***100%***
25	Phú Thọ	95.40%	96.40%	97.40%	98.40%	***100%***
26	Quảng Ngãi	95.56%	96.56%	97.56%	98.56%	***100%***
27	Quảng Ninh	96.60%	97.45%	98.30%	99.15%	***100%***

STT	Tỉnh, thành phố	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế				
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
28	Quảng Trị	96.16%	97.12%	98.08%	99.04%	***100%***
29	Sơn La	97.04%	97.78%	98.52%	99.26%	***100%***
30	Tây Ninh	95.70%	96.70%	97.70%	98.70%	***100%***
31	Thái Nguyên	96.22%	97.16%	98.11%	99.05%	***100%***
32	Thanh Hóa	95.00%	96.00%	97.00%	98.00%	***100%***
33	Tuyên Quang	99.60%	99.70%	99.80%	99.90%	***100%***
34	Vĩnh Long	96.00%	97.00%	98.00%	99.00%	***100%***